

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2022/HNGĐ-ST**

Ngày : 12/8/2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Vũ Yên và ông Nguyễn Ký.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/7/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị T**, sinh năm: 1984. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Thổ T1**, sinh năm: 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Lương Thị T) và anh Thổ T1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2008 tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn N, xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên. Lúc đầu thì hạnh phúc, đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T1 đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay không có thông tin gì. Hiện tại tôi và anh T1 không còn sống chung với nhau như vợ

chồng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Thổ Thị Lương T2, sinh ngày 30/5/2007 và Thổ Lương T3, sinh ngày: 02/7/2011 hiện nay đang do tôi (T) trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên vọng khi ly hôn là được trực tiếp nhận nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thổ T1 vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm.

Tòa án đã tiến hành đăng tải thông tin tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng và hòa giải để các đương sự đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn vẫn mong muốn được ly hôn với bị đơn, Tòa án đã lập biên bản hòa giải không thành. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Thổ T1, khi ly hôn mong muốn nhận nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán và HĐXX thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định về quyền, nghĩa vụ và nội quy phiên tòa. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong đơn khởi kiện ngày 15/4/2022, nguyên đơn Phạm Thị Như Thủy đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn Thổ T1. Tòa án đã tiến hành thông báo, đăng tải các văn bản tố tụng trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh Thổ T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn chị Lương Thị T và bị đơn anh Thổ T1 tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 18/7/2008 là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét: Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S cho biết: Vợ chồng chị T và anh T1 thường hay xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau, anh T1 đã bỏ đi từ năm 2012 đến nay không có thông tin gì là đúng.

[2.2] Xét: Tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn Lương Thị T và bị đơn Thổ T1 không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm lo lắng cho ai, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay là sự thật, nên chị T cương quyết xin ly hôn là có cơ sở. Căn cứ các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị T được ly hôn với bị đơn Thổ T1.

[3] Xét về con chung: Có 02 con chung là Thổ Thị Lương T2, sinh ngày 30/5/2007 và Thổ Lương T3, sinh ngày: 02/7/2011 đang ở với chị T. Căn cứ Điều 58, 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu của chị T phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con nên yêu cầu của chị T là có cơ sở. Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Xét về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về chi phí đăng tải thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, nguyên đơn Lương Thị T phải chịu 2.250.000đ, nguyên đơn T đã nộp đủ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 58, 81, 83, 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị T về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn với anh Thổ T1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Thổ Thị Lương T2, sinh ngày 30/5/2007 và Thổ Lương T3, sinh ngày: 02/7/2011 cho chị Lương Thị T trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Thổ T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Bị đơn Thổ T1 có quyền chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Lương Thị T phải chịu 2.250.000đ phí đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng. Chị T đã nộp đủ.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002774 ngày 18/5/2022 của Chi cục T2 hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện S (02);
- CC THADS huyện S (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã S1 (01);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung